

Số: 28/CBTT-XL

Tp. Huế, ngày 25 tháng 8 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN

**TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

- Tên tổ chức Công ty cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế
- Mã chứng khoán HUB
- Địa chỉ trụ sở chính 72 đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ,
thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
- Điện thoại 0234. 3821510
- Fax: 0234. 3825152
- Người thực hiện công bố thông tin Nguyễn Thị Kim Phụng
Chức vụ T. Ban Kiểm Soát; TBP. Kiểm toán nội bộ.

Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố

Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên đã soát xét năm 2023.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn: <http://xaylaphue.com.vn> => *Quan hệ cổ đông* => *Báo cáo tài chính*.

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2023.

Đại diện tổ chức
Người được ủy quyền công bố thông tin



Nguyễn Thị Kim Phụng

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)

Công ty thành viên của JPA International

Địa chỉ đăng ký : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM

Chi nhánh Đà Nẵng : 63/5 Trần Quốc Toản, Phường Phước Ninh,

Quận Hai Châu, Thành phố Đà Nẵng

Email : contact@vietvalues.com

Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	02 - 06
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	07 - 08
3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023	09 - 10
4. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023	11
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023	12
6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023	13 – 53



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế trình bày báo cáo của mình cùng với với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế và 07 Công ty con (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn") cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 đã được soát xét.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được cổ phần hóa từ Công ty Xây lắp Thừa Thiên Huế theo Quyết định số 2660/QĐ-UBND ngày 23/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế. Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3300101156 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp lần đầu vào ngày 05/01/2011, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 11 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 18/11/2022.

Cổ phiếu của Công ty chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch là "HUB" theo Quyết định số 523/QĐ-SGDHCM ngày 18/12/2018.

Vốn điều lệ: 228.683.950.000 đồng

Vốn góp thực tế tính đến ngày 30/06/2023: 228.683.950.000 đồng

Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ, 07 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ, 04 công ty liên kết và 01 công ty đầu tư dài hạn khác.

Công ty con được hợp nhất

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	30/06/2023				01/01/2023			
				Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ biểu quyết		Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ biểu quyết	
				Thực tiếp	Gián tiếp	Thực tiếp	Gián tiếp	Thực tiếp	Gián tiếp	Thực tiếp	Gián tiếp
1	Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp	KCN Phú Bài, TX Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp	100%	-	100%	-	100%	-	100%	-
2	Công ty CP Gạch Tuynen số 1 Thừa Thiên Huế	Xã Hương Chữ, Huyện Hương Trà, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Sản xuất gạch và kinh doanh VLXD	79,30%	-	79,30%	-	79,30%	-	79,30%	-
3	Công ty CP Chế Biến Gỗ Thừa Thiên Huế	Lô A1, KCN Phú Bài, TX Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Sản xuất chế biến gỗ và kinh doanh vận tải đường bộ	94,67%	-	94,67%	-	94,67%	-	94,67%	-
4	Công ty CP Vật liệu Xây dựng Lộc Điền	Xã Lộc Điền, Huyện Phú Lộc, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Chế biến và kinh doanh đá xây dựng	78,98%	-	78,98%	-	78,98%	-	78,98%	-
5	Công ty CP Khai thác Đá và Xây dựng Hương Bằng	TT Tứ Hạ, Huyện Hương Trà, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Chế biến và kinh doanh đá xây dựng	53,00%	-	53,00%	-	53,00%	-	53,00%	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	30/06/2023				01/01/2023			
				Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ biểu quyết		Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ biểu quyết	
				Thực tiếp	Gián tiếp	Thực tiếp	Gián tiếp	Thực tiếp	Gián tiếp	Thực tiếp	Gián tiếp
6	Công ty CP Gạch Tuynen Huế	Phường Thủy Phương, TX Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Sản xuất kinh doanh gạch	51,42%	-	51,42%	-	51,42%	-	51,42%	-
7	Công ty TNHH Gạch Tuynel số 2 Thừa Thiên Huế	Phường Thủy Phương, Thị xã Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Sản xuất gạch và kinh doanh vật liệu xây dựng	0,00%	55,51%	0,00%	70,00%	0,00%	55,51%	0,00%	70,00%

Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	30/06/2023		01/01/2023	
				Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết
1	Công ty CP Frit Huế	KCN Phú Bài, TX Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Sản xuất kinh doanh men frit	29,14%	29,14%	29,14%	29,14%
2	Công ty CP Kinh doanh Nhà Thửa Thừa Thiên Huế	24 Nguyễn Văn Cừ, TP Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Xây dựng	48,76%	48,76%	48,76%	48,76%
3	Công ty CP Bê tông và Xây dựng Thừa Thiên Huế	Tam Tây, Thủy An, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Sản xuất kinh doanh bê tông	48,00%	48,00%	48,00%	48,00%
4	Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Phát triển Hạ tầng TTH	18 đường Hà Huy Giáp, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Xây dựng	30,00%	30,00%	30,00%	30,00%

2. Trụ sở hoạt động**Trụ sở chính**

- Địa chỉ : Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam
- Điện thoại : (84) 0234.3821510
- Fax : (84) 0234.3825152

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng các công trình dân dụng, các công trình công nghiệp, công cộng thể thao, giao thông, thủy lợi và hạ tầng kỹ thuật;
- Tư vấn và giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông và thủy lợi;
- Kinh doanh bất động sản, cơ sở hạ tầng khu công nghiệp và dân cư;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh và khai thác đá, cát, sỏi;

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỬA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

- Sản xuất các sản phẩm từ gỗ.

4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong kỳ bao gồm:

4.1 Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đoàn Hữu Thuận	Chủ tịch	19/04/2022	
Ông Lê Quý Định	P. Chủ tịch	01/12/2021	
Ông Trần Sỹ Chương	Thành viên	28/04/2021	
Ông Lê Viết Liên	Thành viên	19/04/2022	
Ông Đoàn Hữu Hà Vinh	Thành viên	19/04/2022	

4.2. Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Kim Phụng	Trưởng ban	19/04/2022	
Bà Dương Thị Ngọc	Thành viên	28/04/2021	
Bà Mai Thị Tuyết Lan	Thành viên	19/04/2022	
Ông Lê Văn Tài	Thành viên	19/04/2022	
Ông Lê Đình Nam	Thành viên	19/04/2022	

4.3. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Quý Định	Tổng Giám đốc	01/12/2021	
Ông Nguyễn Văn Quý	Giám đốc	05/07/2021	
Ông Phan Văn Giáo	Giám đốc	05/07/2021	
Ông Phạm Trường Lâm	Giám đốc	05/07/2021	
Ông Nguyễn Thái Bình	Giám đốc	05/07/2021	
Bà Lê Thị Khánh Vân	Giám đốc TC kiêm Kế toán trưởng	01/05/2022 01/07/2021	

5. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Quý Định	Tổng Giám đốc	01/12/2021

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2023 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ trang 09 đến trang 53.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2023 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

8. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2023 của Tập đoàn. Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Tập đoàn.

9. Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30/06/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ông Đoàn Hữu Thuận – Chủ tịch HĐQT Công ty đã ủy quyền cho Ông Lê Quý Định – Phó Chủ tịch HĐQT phê duyệt Báo cáo tài chính theo Giấy ủy quyền số 01/GUQ-XL-HĐQT ngày 09 tháng 03 năm 2023

Thay mặt Hội đồng Quản trị



LÊ QUÝ ĐỊNH

P.Chủ tịch HĐQT

Thừa Thiên Huế, ngày 25 tháng 08 năm 2023



BÁO CÁO SOÁT XÉT

THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xây lập Thừa Thiên Huế (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn") được lập ngày 25 tháng 08 năm 2023, từ trang 9 đến trang 53, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2023.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công việc soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30/06/2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tp. Đà Nẵng, ngày 25 tháng 08 năm 2023.

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - VIETVALUES



Trần Xuân Thạnh - P.Giám đốc Chi nhánh

Giấy CNĐKHN số: 1650-2023-071-1

Chữ ký được uỷ quyền

Nơi nhận:

- Như trên
- LƯU VIETVALUES

CÔNG TY CP XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Số 72, Đường Phạm Văn Đồng, TP Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		517.262.774.991	465.277.678.861
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	54.090.876.738	79.495.123.988
111	1. Tiền		10.120.969.057	21.450.123.988
112	2. Các khoản tương đương tiền		43.969.907.681	58.045.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		229.055.000.000	152.365.000.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	229.055.000.000	152.365.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		77.297.054.137	68.433.811.241
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	97.307.928.830	92.147.241.331
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	4.431.219.486	3.066.220.196
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.5	7.820.818.068	1.284.456.068
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.6a	21.778.724.465	17.972.301.248
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.7	(54.908.700.839)	(46.903.471.729)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		867.064.127	867.064.127
140	IV. Hàng tồn kho	V.8	144.857.165.668	154.404.054.489
141	1. Hàng tồn kho		145.171.757.465	154.718.646.286
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(314.591.797)	(314.591.797)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		11.962.678.448	10.579.689.143
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.9a	1.150.886.974	496.910.065
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.569.028.113	1.082.779.078
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.10	9.242.763.361	9.000.000.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		400.282.052.571	381.355.965.121
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.020.750.739	895.667.311
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	-
216	2. Phải thu dài hạn khác	V.6b	1.020.750.739	895.667.311
220	II. Tài sản cố định		64.054.955.741	69.951.359.922
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.11	62.055.907.176	67.828.656.019
222	- Nguyên giá		280.219.499.474	279.253.733.413
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(218.163.592.298)	(211.425.077.394)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.12	1.999.048.565	2.122.703.903
228	- Nguyên giá		5.439.831.562	5.439.831.562
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.440.782.997)	(3.317.127.659)
230	III. Bất động sản đầu tư	V.14	52.129.794.364	53.961.632.584
231	- Nguyên giá		102.663.729.104	102.663.729.104
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(50.533.934.740)	(48.702.096.520)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		92.553.077.220	70.687.570.489
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.13	92.553.077.220	70.687.570.489
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.15	162.220.773.866	158.003.898.406
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		161.098.200.176	156.881.324.716
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.122.573.690	1.122.573.690
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		28.302.700.641	27.855.836.409
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.9b	23.932.827.491	24.836.918.345
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		4.369.873.150	3.018.918.064
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		917.544.827.562	846.633.643.982

CÔNG TY CP XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Số 72, Đường Phạm Văn Đồng, TP Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		357.710.547.160	308.068.128.414
310	I. Nợ ngắn hạn		244.325.042.382	202.749.231.938
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.16	46.824.331.942	46.628.840.432
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.17	31.855.762.814	46.006.252.465
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.10	12.839.675.749	6.416.496.465
314	4. Phải trả người lao động	V.18	11.457.979.259	20.033.558.548
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.19	258.461.969	243.464.399
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.20a	15.632.417.683	4.061.727.593
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.21a	53.316.799.453	53.855.115.607
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.22a	51.474.771.134	8.705.072.073
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	V.23a	8.320.836.176	8.541.863.349
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.24	12.344.006.203	8.256.841.007
330	II. Nợ dài hạn		113.385.504.778	105.318.896.476
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.20b	62.639.492.750	64.114.491.771
337	2. Phải trả dài hạn khác	V.21b	6.891.845.568	6.837.845.568
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.22b	31.814.580.071	22.352.520.576
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		1.831.516.200	1.831.516.200
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn	V.23b	10.208.070.189	10.182.522.361
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		559.834.280.402	538.565.515.568
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.25	559.834.280.402	538.565.515.568
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		228.683.950.000	228.683.950.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		228.683.950.000	228.683.950.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		13.902.280.000	13.902.280.000
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		40.772.723.585	34.759.061.727
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		236.146.874.301	217.732.066.719
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		205.460.235.155	159.542.447.186
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		30.686.639.146	58.189.619.533
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		40.328.452.516	43.488.157.122
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		917.544.827.562	846.633.643.982

Người lập biểu



LÊ THỊ KHÁNH VÂN

Kế toán trưởng



LÊ THỊ KHÁNH VÂN

Thừa Thiên Huế, ngày 25 tháng 08 năm 2023



LÊ QUÝ ĐỊNH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	173.856.692.400	204.484.477.643
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.2	192.790.909	884.451.550
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		173.663.901.491	203.600.026.093
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.3	120.646.466.774	146.937.811.487
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		53.017.434.717	56.662.214.606
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	8.232.758.146	3.677.648.302
22	7. Chi phí tài chính	VI.5	1.050.926.808	717.001.487
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		1.050.909.058	655.820.218
24	8. Phần lỗ hoặc lãi trong công ty liên doanh, liên kết		9.554.979.460	6.489.288.936
25	9. Chi phí bán hàng	VI.6	4.096.597.967	5.170.607.239
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.7	25.922.810.882	16.552.573.220
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		39.734.836.666	44.388.969.898
31	12. Thu nhập khác	VI.8	1.576.790.707	1.869.030.323
32	13. Chi phí khác	VI.9	1.329.779.848	1.056.610.679
40	14. Lợi nhuận khác		247.010.859	812.419.644
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		39.981.847.525	45.201.389.542
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.10	7.453.415.777	8.009.902.430
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	V.10	(1.350.955.086)	235.613.320
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		33.879.386.834	36.955.873.792
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		30.686.639.146	30.809.779.620
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		3.192.747.688	6.146.094.172
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.10	1.235	1.487
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.11	1.235	1.487

Người lập biểu



LÊ THỊ KHÁNH VÂN

Kế toán trưởng



LÊ THỊ KHÁNH VÂN

Thừa Thiên Huế, ngày 25 tháng 08 năm 2023



Tổng Giám Đốc

LÊ QUÝ ĐỊNH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

ĐVT: VNĐ

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		39.981.847.525	45.201.389.542
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.11, V.12, V.14	8.694.008.462	8.642.956.827
03	- Các khoản dự phòng	V.7, V.8, V.23	7.809.749.765	3.093.312.053
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	VI.4	(37.863.255)	(18.054.990)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	VI.4, VI.8	(8.143.358.612)	(4.482.083.526)
06	- Chi phí lãi vay	VI.5	1.050.909.058	655.820.218
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		49.355.292.943	53.093.340.124
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(14.050.817.012)	9.109.510.419
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		9.546.888.821	(15.753.574.086)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(8.167.923.597)	(11.763.933.711)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		250.113.945	(125.418.409)
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả	VI.5, V.19	(1.017.002.383)	(655.820.218)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.10	(5.398.216.406)	(4.109.545.185)
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(3.245.282.804)	(3.742.118.333)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		27.273.053.507	26.052.440.601
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(22.831.272.792)	(11.386.533.804)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	1.730.000.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(186.336.245.000)	(109.540.447.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		103.109.883.000	84.000.956.380
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		6.825.210.547	3.542.406.786
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(99.232.424.245)	(31.653.617.638)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay	VII.1	71.550.227.988	32.427.900.872
34	2. Tiền trả nợ gốc vay	VII.2	(19.318.469.432)	(23.199.330.497)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.21, V.25	(5.683.501.025)	(4.368.643.682)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		46.548.257.531	4.859.926.693
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(25.411.113.207)	(741.250.344)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		79.495.123.988	87.980.574.882
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		6.865.957	18.054.990
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	54.090.876.738	87.257.379.528

Thừa Thiên Huế, ngày 25 tháng 08 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

LÊ THỊ KHÁNH VÂN

LÊ THỊ KHÁNH VÂN

LÊ QUÝ ĐỊNH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế và 07 Công ty con (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn") cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được cổ phần hóa từ Công ty Xây lắp Thừa Thiên Huế theo Quyết định số 2660/QĐ-UBND ngày 23/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế. Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3300101156 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp lần đầu vào ngày 05/01/2011, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 11 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 18/11/2022.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây dựng và kinh doanh bất động sản.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng các công trình dân dụng, các công trình công nghiệp, công cộng thể thao, giao thông, thủy lợi và hạ tầng kỹ thuật;
- Tư vấn và giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông và thủy lợi;
- Kinh doanh bất động sản, cơ sở hạ tầng khu công nghiệp và dân cư;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh và khai thác đá, cát, sỏi;
- Sản xuất các sản phẩm từ gỗ.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường đối với các hoạt động của Công ty thường kéo dài không quá 12 tháng. Riêng đối với hoạt động xây lắp và hoạt động kinh doanh bất động sản thì chu kỳ kinh doanh có thể kéo dài quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có sự kiện nào về môi trường pháp lý, diễn biến thị trường, đặc điểm hoạt động kinh doanh, quản lý, tài chính, sự kiện sáp nhập, chia tách,....có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất kỳ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Cấu trúc Tập đoàn**

Tại ngày 30/06/2023, Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ, 07 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ, 04 công ty liên kết và 01 công ty đầu tư dài hạn khác.

Số lượng các công ty con: 07

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 07

Công ty con được hợp nhất

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	30/06/2023				01/01/2023			
				Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ biểu quyết		Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ biểu quyết	
				Trực tiếp	Gián tiếp	Trực tiếp	Gián tiếp	Trực tiếp	Gián tiếp	Trực tiếp	Gián tiếp
1	Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp	KCN Phú Bài, TX Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp	100%	-	100%	-	100%	-	100%	-
2	Công ty CP Gạch Tuynen số 1 Thừa Thiên Huế	Xã Hương Chũ, Huyện Hương Trà, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Sản xuất gạch và kinh doanh VLXD	79,30%	-	79,30%	-	79,30%	-	79,30%	-
3	Công ty CP Chế Biến Gỗ Thừa Thiên Huế	Lô A1, KCN Phú Bài, TX Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Sản xuất chế biến gỗ và kinh doanh vận tải đường bộ	94,67%	-	94,67%	-	94,67%	-	94,67%	-
4	Công ty CP Vật liệu Xây dựng Lộc Điền	Xã Lộc Điền, Huyện Phú Lộc, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Chế biến và kinh doanh đá xây dựng	78,98%	-	78,98%	-	78,98%	-	78,98%	-
5	Công ty CP Khai thác Đá và Xây dựng Hương Bằng	TT Tứ Hạ, Huyện Hương Trà, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Chế biến và kinh doanh đá xây dựng	53,00%	-	53,00%	-	53,00%	-	53,00%	-
6	Công ty CP Gạch Tuynen Huế	Phường Thủy Phương, TX Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Sản xuất kinh doanh gạch	51,42%	-	51,42%	-	51,42%	-	51,42%	-
7	Công ty TNHH Gạch Tuynel số 2 Thừa Thiên Huế	Phường Thủy Phương, Thị xã Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Sản xuất gạch và kinh doanh vật liệu xây dựng	0,00%	55,51%	0,00%	70,00%	0,00%	55,51%	0,00%	70,00%

Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	30/06/2023		01/01/2023	
				Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết
1	Công ty CP Frit Huế	KCN Phú Bài, TX Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Sản xuất kinh doanh men frit	29,14%	29,14%	29,14%	29,14%
2	Công ty CP Kinh doanh Nhà Thừa Thiên Huế	24 Nguyễn Văn Cừ, TP Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Xây dựng	48,76%	48,76%	48,76%	48,76%
3	Công ty CP Bê tông và Xây dựng Thừa Thiên Huế	Tam Tây, Thủy An, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Sản xuất kinh doanh bê tông	48,00%	48,00%	48,00%	48,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	30/06/2023		01/01/2023	
				Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết
4	Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Phát triển Hạ tầng TTH	18 đường Hà Huy Giáp, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Xây dựng	30,00%	30,00%	30,00%	30,00%

7. Nhân viên

Tại ngày 30/06/2023, Tập đoàn có 722 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31/12/2022 là 722 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

2a. Hợp nhất với Công ty con

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2023 bao gồm Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2023 của công ty mẹ là Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế và Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2023 của các công ty con (07 công ty con) là Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp, Công ty CP Gạch Tuynen số 1 Thừa Thiên Huế, Công ty CP Chế Biến Gỗ Thừa Thiên Huế, Công ty CP Vật liệu Xây dựng Lộc Điền, Công ty CP Khai thác Đá và Xây dựng Hương Bằng, Công ty CP Gạch Tuynen Huế và Công ty TNHH Gạch Tuynen số 2 Thừa Thiên Huế. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2023 từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2023 của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2023.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2023 và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2023 (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

2b. Hợp nhất với Công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này. Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết được điều chỉnh giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty với các bên liên doanh, liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Công ty trong các bên liên doanh, liên kết. Các chính sách kế toán của các bên liên doanh, liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tập đoàn áp dụng.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THÙA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí trả trước khác

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 36 tháng.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm/Năm nay</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 30
Máy móc và thiết bị	03 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 08

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THÙA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Mỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất lâu dài. Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định vô hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm/Năm nay</u>
Phần mềm máy tính	Hết khấu hao
Quyền khai thác mỏ	15 – 20

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Riêng các bất động sản đầu tư chờ tăng giá để bán được phản ánh theo giá ghi sổ sau khi trừ đi phần tổn thất do giảm giá trị.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Chính sách khấu hao bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cố định cùng loại của Công ty. Theo đó, bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được tính dựa vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Số năm/Năm nay</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	3 – 25

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỬA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

13. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận khi Công ty nhận trước tiền cho một hoặc nhiều kỳ kế toán đối với các dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng.

Doanh thu chưa thực hiện được phân bổ theo số kỳ mà Công ty đã nhận tiền trước.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- ✓ Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- ✓ Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- ✓ Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- ✓ Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu từ cho thuê bất động sản

Doanh thu từ cho thuê bất động sản đầu tư theo hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỦA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm bao gồm các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, thành phẩm và chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

19. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính và đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

20. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Báo cáo theo bộ phận

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.
- Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (đơn vị tính: VNĐ)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	147.284.960	271.426.392
Tiền gửi ngân hàng	9.973.684.097	21.178.697.596
Các khoản tương đương tiền (*)	43.969.907.681	58.045.000.000
Cộng	<u>54.090.876.738</u>	<u>79.495.123.988</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại. Chi tiết tương đương tiền như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	14.169.907.681	13.535.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam	2.000.000.000	8.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	12.300.000.000	14.800.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	15.500.000.000	15.000.000.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	-	1.710.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	-	2.000.000.000
Ngân hàng TMCP Bắc Á	-	3.000.000.000
Cộng	<u>43.969.907.681</u>	<u>58.045.000.000</u>

Không có khoản tiền gửi có kỳ hạn nào được cầm cố, thế chấp các khoản vay tại ngày 30/06/2023.

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
Ngắn hạn	229.055.000.000	229.055.000.000	152.365.000.000	152.365.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến dưới 12 tháng	229.055.000.000	229.055.000.000	152.365.000.000	152.365.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội (SHB)	59.300.000.000	59.300.000.000	52.050.000.000	52.050.000.000
- Ngân hàng TMCP Đại chúng (PV)	20.000.000.000	20.000.000.000	19.900.000.000	19.900.000.000
- Ngân hàng TMCP Quốc tế (VIB)	5.000.000.000	5.000.000.000	5.300.000.000	5.300.000.000
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu (EXIM)	2.300.000.000	2.300.000.000	2.300.000.000	2.300.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương VN	52.325.000.000	52.325.000.000	34.125.000.000	34.125.000.000
- Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam	15.200.000.000	15.200.000.000	13.200.000.000	13.200.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	7.670.000.000	7.670.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải (MSB)	1.610.000.000	1.610.000.000	4.340.000.000	4.340.000.000
- Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP HCM (HDBank)	100.000.000	100.000.000	600.000.000	600.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN (*)	56.550.000.000	56.550.000.000	17.550.000.000	17.550.000.000
- Ngân hàng TMCP Bắc Á	9.000.000.000	9.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	<u>229.055.000.000</u>	<u>229.055.000.000</u>	<u>152.365.000.000</u>	<u>152.365.000.000</u>

(*) Trong đó, có tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Phú Xuân với giá trị là 51.000.000.000 đồng đang được cầm cố, thế chấp các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Phú Xuân (Xem Thuyết minh V.22)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Phải thu khách hàng ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	6.170.022.579	2.295.633.673
- Công ty CP Xây dựng và ĐTPT Hạ tầng TTH	1.073.884.173	1.073.884.173
- Công ty CP Bê tông và Xây dựng TTH	5.044.231.057	1.221.749.500
- Công ty CP Frit Huế	51.907.349	-
Phải thu các khách hàng khác	91.137.906.251	89.851.607.658
- Công ty CP Đầu tư Sao Phương Nam	5.770.139.774	6.970.883.298
- Công ty CP SCAVI Huế	-	6.942.185.197
- Công ty CP Du lịch Xanh	3.285.515.200	4.985.515.200
- Công ty CP Đầu tư Sunrise	3.921.582.000	4.671.582.000
- Công ty CP Kỹ nghệ Lạnh	4.122.061.600	4.122.061.600
- Công ty CP Đầu tư IMG Huế	2.442.151.999	4.964.852.534
- Công ty TNHH MTV Tôn Đông Á	2.487.979.362	2.487.979.362
- Công ty CP Đầu tư XD TM và CN Hà Nội	7.671.193.225	-
- Công ty CP Apec Land Huế	2.593.496.760	3.788.076.619
- Công ty CP Sài Gòn Đại Lợi	4.452.781.696	4.452.781.696
- Công ty TNHH Song Thiên Long	3.246.367.647	847.175.327
- Công ty CP Tiếp Vận Phú Bài	2.003.650.000	1.599.610.000
- Công ty CP Đầu tư dệt may Thiên An Phát	143.640.000	3.216.948.800
- Noble House Home Furnishings LLC Sample Order	7.485.265.755	17.750
- Các khách hàng khác	41.512.081.233	40.801.938.275
Cộng	<u>97.307.928.830</u>	<u>92.147.241.331</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho các bên liên quan	21.929.365	69.746.213
- Công ty CP Frit Huế	21.929.365	69.746.213
Trả trước cho người bán khác	4.409.290.121	2.996.473.983
- Công ty TNHH MTV Xây dựng Phúc Thành	1.558.698.000	1.558.698.000
- Công ty CP Du lịch Việt Nam Hà Nội tại Huế	734.461.000	-
- Công ty CP TM XD Công Nghiệp Đông Nam Á	468.089.911	-
- Công ty TNHH MTV TMDV Thiên Tâm	400.000.000	-
- Các đối tượng người bán khác	1.248.041.210	1.437.775.983
Cộng	<u>4.431.219.486</u>	<u>3.066.220.196</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Phải thu về cho vay

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu về cho vay các bên liên quan	820.818.068	1.284.456.068
- Công ty CP Kinh doanh Nhà Thừa Thiên Huế	820.818.068	1.284.456.068
Phải thu về cho vay các đối tượng khác	7.000.000.000	-
- Công ty CP Chứng khoán VPS	7.000.000.000	-
Cộng	7.820.818.068	1.284.456.068

- Cho Công ty CP Kinh doanh Nhà Thừa Thiên Huế vay theo hợp đồng vay vốn số 01-2016/HĐVV-CTXL ngày 20/01/2016. Mục đích cho vay là ứng vốn thi công công trình thầu phụ, số tiền vay sẽ được hoàn trả khi chủ đầu tư thanh toán tiền. Lãi suất cho vay tương ứng với lãi suất vay vốn của ngân hàng thương mại tại từng thời điểm.
- Cho Công ty CP Chứng khoán VPS vay hợp đồng tối ưu hóa nguồn vốn số 70011/VPS-KH/HO ngày 29/05/2023 và các đề nghị lập giao dịch từ ngày 22/06/2023 để tối ưu hóa nguồn vốn. Thời hạn cho vay là 32 ngày kể từ ngày đề nghị giao dịch được lập, lãi suất 6,5%/năm.

6. Phải thu khác**a. Ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	2.089.074.000	(237.324.000)	437.324.000	-
- Công ty CP Bê tông và Xây dựng Thừa Thiên Huế	1.728.000.000	-	-	-
- Công ty CP XD và ĐTPT Hạ tầng TTH	361.074.000	(237.324.000)	437.324.000	(218.662.000)
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	19.355.234.528	(4.153.407.515)	17.255.577.457	(4.153.407.515)
- Ban đầu tư và Xây dựng TP Huế	8.578.450.000	-	8.578.450.000	-
- Phải thu nhân viên tiền nhiệm	4.153.407.515	(4.153.407.515)	4.153.407.515	(4.153.407.515)
- Trung tâm phát triển Quỹ đất huyện Hương Thủy	2.044.632.000	-	2.044.632.000	-
- Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	2.950.026.027	-	1.631.877.962	-
- Ký quỹ bảo lãnh công trình	813.625.637	-	-	-
- UB đền bù giải phóng mặt bằng	261.296.800	-	261.296.800	-
- Các đối tượng khác	553.796.549	-	585.913.180	-
Tạm ứng CBCNV	334.415.937	-	279.399.791	-
Cộng	21.778.724.465	(4.390.731.515)	17.972.301.248	(4.153.407.515)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

b. Dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược ký quỹ dài hạn	1.020.750.739	-	895.667.311	-
Ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường	920.750.739	-	725.667.311	-
Các khoản ký quỹ khác	100.000.000	-	170.000.000	-
Cộng	1.020.750.739	-	895.667.311	-

7. Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	36.673.286.001	27.527.765.000
Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	5.224.471.787	7.003.962.242
Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	7.862.171.947	5.841.843.294
Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	5.148.771.104	6.529.901.193
Cộng	54.908.700.839	46.903.471.729

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	46.903.471.729	41.122.083.836
Trích lập dự phòng	8.015.229.110	-
Hoàn nhập dự phòng	(10.000.000)	(2.054.911.822)
Số cuối kỳ	54.908.700.839	39.067.172.014

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	22.762.320.740	-	28.374.231.628	-
Công cụ, dụng cụ	988.799.510	-	1.290.321.216	-
Chi phí SXKD dở dang	94.143.457.674	-	90.469.128.454	-
Thành phẩm	26.704.997.574	(314.591.797)	32.753.201.458	(314.591.797)
Hàng hóa	572.181.967	-	1.831.763.530	-
Cộng	145.171.757.465	(314.591.797)	154.718.646.286	(314.591.797)

- Không có hàng tồn kho kém phẩm chất, ứ đọng tại ngày 30/06/2023
- Không có hàng tồn kho thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 30/06/2023

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nguyên vật liệu tồn kho chủ yếu là: than cám, đất sét,....

Thành phẩm tồn kho chủ yếu là: gạch, đá các loại, các sản phẩm từ gỗ,....

Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự án Khu nhà ở Tam Thai	33.990.707.064	33.990.707.064
Khách sạn Đông Dương	10.179.950.175	10.859.650.161
Văn phòng cơ quan các đơn vị Tỉnh Thừa Thiên Huế	5.089.505.838	5.038.422.201
Dự án Resort The Anam Boutique	5.763.878.898	5.754.502.898
Khối nhà ở thấp tầng GD2 (Khu D). HM: 28 căn LKV19	5.887.076.007	5.476.815.775
Khu ĐT Phú Mỹ An. HM Đơn nguyên Block A (8 căn) thuộc Khu B1-B	3.884.954.444	4.020.388.447
Dự án Đô thị và nghỉ dưỡng Lotus Cam Ranh	3.615.296.703	3.601.161.973
Block A (9 căn) - Khu B2-B thuộc KĐT Phú Mỹ An	3.057.099.713	-
Các công trình khác	22.674.988.832	21.727.479.935
Cộng	<u>94.143.457.674</u>	<u>90.469.128.454</u>

9. Chi phí trả trước**a. Ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thuê đất hạ tầng	107.609.943	61.491.396
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	448.156.310	221.458.387
Chi phí trả trước chờ phân bổ	595.120.721	213.960.282
Cộng	<u>1.150.886.974</u>	<u>496.910.065</u>

Tình hình biến động chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số dư đầu năm	496.910.065	1.503.192.532
Tăng trong kỳ	2.065.531.769	2.446.407.399
Phân bổ trong kỳ	(1.411.554.860)	(2.053.104.722)
Số dư cuối kỳ	<u>1.150.886.974</u>	<u>1.896.495.209</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

b. Dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê đất KCN Phú Bài	8.040.847.793	8.197.487.687
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	8.423.633.808	8.451.386.934
Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	4.686.527.859	4.393.374.029
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.482.080.374	1.620.435.391
Chi phí khác chờ phân bổ	1.299.737.657	2.174.234.304
Cộng	<u>23.932.827.491</u>	<u>24.836.918.345</u>

Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số dư đầu kỳ	24.836.918.345	25.879.724.977
Tăng trong kỳ	1.474.658.053	1.786.460.777
Phân bổ trong kỳ	(2.378.748.907)	(2.054.345.045)
Số dư cuối kỳ	<u>23.932.827.491</u>	<u>25.611.840.709</u>

10. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong kỳ</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.638.410.628	-	8.539.104.177	5.152.068.582	5.025.446.223	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.379.181.056	-	7.453.415.777	5.398.216.406	6.434.380.427	-
Thuế thu nhập cá nhân	84.675.140	-	1.353.603.817	1.280.980.616	157.298.341	-
Thuế tài nguyên	192.887.401	-	1.169.767.380	1.133.812.501	471.605.641	242.763.361
Thuế nhà đất	-	-	1.896.116.691	1.239.948.086	656.168.605	-
Các loại thuế khác	-	-	52.124.759	52.124.759	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác (*)	121.342.240	9.000.000.000	1.644.742.380	1.671.308.108	94.776.512	9.000.000.000
Cộng	<u>6.416.496.465</u>	<u>9.000.000.000</u>	<u>22.108.874.981</u>	<u>15.928.459.058</u>	<u>12.839.675.749</u>	<u>9.242.763.361</u>

(*) Là số tiền tạm ứng vào Ngân sách Nhà nước về phí sử dụng đất cho UBND Thị xã Hương Thủy thực hiện đền bù giải phóng mặt bằng cho dự án Thủy Dương.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Đối với hoạt động xây dựng: Áp dụng thuế suất thuế GTGT là 10%. Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THÙA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)***Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được xác định như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	39.981.847.525	45.201.389.542
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán:	(1.989.344.127)	(5.151.877.391)
- Các khoản điều chỉnh tăng	7.616.746.843	2.582.546.175
+ <i>Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành</i>	675.150.000	610.400.000
+ <i>Các khoản phạt vi phạm hành chính</i>	38.665.682	151.794.650
+ <i>Dự phòng cải tạo, phục hồi môi trường</i>	66.453.116	
+ <i>Tiền trợ cấp thôi việc</i>	-	24.600.000
+ <i>Dự phòng nợ phải thu khó đòi chưa đủ điều kiện</i>	6.724.769.016	-
+ <i>Chi phí không hợp lệ khác</i>	160.505.840	24.413.043
+ <i>Lỗ tại công ty con</i>	(48.796.811)	1.771.338.482
- Các khoản điều chỉnh giảm	9.606.090.970	7.734.423.566
+ <i>Tiền trợ cấp thôi việc</i>	3.550.000	-
+ <i>Dự phòng nợ phải thu khó đòi đủ điều kiện</i>	-	1.813.694.000
+ <i>Hoàn nhập dự phòng tài chính đã trích lập các công ty con, công ty liên kết</i>	-	(586.614.360)
+ <i>Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ</i>	40.982.170	18.054.990
+ <i>Điều chỉnh dự phòng đã trích lập</i>	6.579.340	-
+ <i>Lợi nhuận từ công ty liên kết</i>	9.554.979.460	6.489.288.936
Thu nhập chịu thuế	37.992.503.398	40.049.512.151
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗ các năm trước được chuyển	928.895.423	-
Thu nhập tính thuế	37.063.607.975	40.049.512.151
Chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	7.412.721.596	8.009.902.430
Chi phí thuế TNDN truy thu năm trước	40.694.181	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	7.453.415.777	8.009.902.430

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong kỳ:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(1.344.953.803)	362.738.800
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	(117.322.872)
Dự phòng cải tạo môi trường rừng	(13.290.623)	(4.882.608)
Dự phòng trợ cấp thôi việc	7.289.340	(4.920.000)
Cộng	(1.350.955.086)	235.613.320

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỬA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**11. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	176.493.513.145	77.996.754.623	23.115.505.449	1.647.960.196	279.253.733.413
Mua sắm trong kỳ	-	-	250.000.000	-	250.000.000
Đ/tư XD/CB h/thành	715.766.061	-	-	-	715.766.061
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	177.209.279.206	77.996.754.623	23.365.505.449	1.647.960.196	280.219.499.474
<i>Trong đó:</i>					
- Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	74.501.065.378	35.693.018.943	13.464.758.996	1.612.505.651	125.271.348.968
- Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	132.478.360.489	58.483.398.654	18.826.625.419	1.636.692.832	211.425.077.394
Khấu hao trong kỳ	3.719.266.185	2.489.971.383	519.534.915	9.742.421	6.738.514.904
T/ly, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	136.197.626.674	60.973.370.037	19.346.160.334	1.646.435.253	218.163.592.298
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	44.015.152.656	19.513.355.969	4.288.880.030	11.267.364	67.828.656.019
Số cuối kỳ	41.011.652.532	17.023.384.586	4.019.345.115	1.524.943	62.055.907.176

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã được sử dụng để cầm cố, thế chấp các khoản vay tại ngày 30/06/2023 là 4.994.232.091 đồng (Xem Thuyết minh V.22).

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Quyền khai thác mỏ	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	342.530.000	692.000.000	4.405.301.562	5.439.831.562
Mua trong kỳ	-	-	-	-
Thanh lý/nhượng bán	-	-	-	-
Số cuối kỳ	342.530.000	692.000.000	4.405.301.562	5.439.831.562
<i>Trong đó:</i>				
- Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	692.000.000	-	692.000.000
- Chờ thanh lý	-	-	-	-
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	692.000.000	2.625.127.659	3.317.127.659
Khấu hao trong kỳ	-	-	123.655.338	123.655.338
Thanh lý/nhượng bán	-	-	-	-
Số cuối kỳ	-	692.000.000	2.748.782.997	3.440.782.997
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	342.530.000	-	1.780.173.903	2.122.703.903
Số cuối kỳ	342.530.000	-	1.656.518.565	1.999.048.565

Là quyền sử dụng đất lâu dài tại D1-3, Khu Phố Hưng Vương 2 – R13, Phường Tân Phong, Quận 7, TP Hồ Chí Minh, được sử dụng để làm văn phòng đại diện tại TP Hồ Chí Minh.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển tăng TSCĐ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	-	-	-	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	70.687.570.489	22.626.363.792	(715.766.061)	(45.091.000)	92.553.077.220
- KCN Phú Bài giai đoạn 4	70.188.485.714	21.801.309.040	-	-	91.989.794.754
- Các công trình khác	499.084.775	825.054.752	(715.766.061)	(45.091.000)	563.282.466
Cộng	70.687.570.489	22.626.363.792	(715.766.061)	(45.091.000)	92.553.077.220

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**14. Bất động sản đầu tư**

	Tòa nhà 28 Lý Thường Kiệt	Tòa nhà 9 Phạm Văn Đồng	Tòa nhà 23 Hà Nội	Tòa nhà 30 Hùng Vương	Tòa nhà 52 Phan Chu Trinh	Nhà xưởng cho thuê tại KCN	Cộng
Nguyên giá							
Số đầu năm	50.751.327.461	21.585.875.423	4.131.676.382	6.106.944.556	707.519.002	19.380.386.280	102.663.729.104
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	50.751.327.461	21.585.875.423	4.131.676.382	6.106.944.556	707.519.002	19.380.386.280	102.663.729.104
Khấu hao lũy kế							
Số đầu năm	27.819.455.547	12.639.282.790	3.260.618.224	3.957.231.350	430.298.564	595.210.045	48.702.096.520
Phân loại lại	-	-	-	-	-	-	-
Khấu hao trong kỳ	864.299.064	382.969.002	79.909.800	101.905.584	14.095.950	388.658.820	1.831.838.220
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	28.683.754.611	13.022.251.792	3.340.528.024	4.059.136.934	444.394.514	983.868.865	50.533.934.740
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	22.931.871.914	8.946.592.633	871.058.158	2.149.713.206	277.220.438	18.785.176.235	53.961.632.584
Số cuối kỳ	22.067.572.850	8.563.623.631	791.148.358	2.047.807.622	263.124.488	18.396.517.415	52.129.794.364

Giá trị còn lại của BĐSĐT được cầm cố, thế chấp các khoản vay tại ngày 30/06/2023 là: 18.396.517.415 đồng. (Xem Thuyết minh V.22)

Thu nhập và chi phí liên quan đến hoạt động bất động sản đầu tư cho thuê:

	Kỳ này	Kỳ trước
Thu nhập từ hoạt động cho thuê	10.227.756.768	10.175.973.593
Giá vốn hoạt động cho thuê	1.461.098.230	2.187.384.651
Lãi gộp hoạt động cho thuê	8.766.658.538	7.988.588.942

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Mỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Tỷ lệ	Giá gốc	Tỷ lệ	Giá gốc
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		26.487.247.634		26.487.247.634
Công ty CP Frit Huế	29,14%	9.847.128.302	29,14%	9.847.128.302
Công ty CP Kinh doanh Nhà Thừa Thiên Huế	48,76%	9.157.581.000	48,76%	9.157.581.000
Công ty CP Bê tông và Xây dựng Thừa Thiên Huế	48,00%	5.533.052.714	48,00%	5.533.052.714
Công ty CP Xây dựng và Đầu tư PTHT TTHuế	30,00%	1.949.485.618	30,00%	1.949.485.618
Đầu tư dài hạn khác		1.122.573.690		1.122.573.690
Công ty CP Long Thọ	3,84%	1.122.573.690	3,84%	1.122.573.690
Cộng		27.609.821.324		27.609.821.324

Giá trị khoản đầu tư vào Công ty liên kết như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Giá gốc khoản đầu tư	26.487.247.634	26.487.247.634
	26.487.247.634	26.487.247.634

Biến động trong đầu tư vào Công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

	Công ty CP Frit Huế	Công ty CP Bê tông và Xây dựng TTH	Công ty CP XD và ĐT PTHT TTH	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2023	132.038.842.510	21.792.126.472	3.050.355.734	156.881.324.716
Lợi nhuận từ công ty liên kết	9.323.925.333	960.000.000	-	10.283.925.333
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(2.622.354.000)	(2.592.000.000)	(123.750.000)	(5.338.104.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(101.980.433)	(611.965.440)	(15.000.000)	(728.945.873)
Tại ngày 30/06/2023	138.638.433.410	19.548.161.032	2.911.605.734	161.098.200.176

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	12.019.629.557	10.160.777.557
- Công ty CP Bê tông và Xây dựng TTHuế	9.464.669.771	7.105.934.771
- Công ty CP XD & ĐTPH Hạ tầng TTH	2.510.343.786	2.510.343.786
- Công ty CP Kinh doanh Nhà TT Huế	44.616.000	544.499.000
Phải trả các người bán khác	34.804.702.385	36.468.062.875
- Công ty CP SX&TM Phước Bình	1.878.773.275	2.323.033.094
- Công ty TNHH Nhật Minh Quang	2.980.677.175	3.632.260.025
- Công ty TNHH MTV Tân Vĩnh Phú	1.255.577.506	1.761.941.656
- DNTN TM & DV Tú Phương	1.139.179.806	1.291.961.792
- Công ty TNHH TM và DV Hải Tiến	-	1.365.518.167
- Công ty CP bê tông Ly tâm Thủ Đức - Long An	398.298.773	1.023.939.722
- Công ty TNHH Một Thành Viên Thiện Quý	1.072.818.345	1.322.818.345
- Công ty TNHH Thương mại Than miền Trung	-	1.399.209.000
- Công ty CP Vận tải Hùng Đạt	888.280.000	-
- Công ty trách nhiệm hữu hạn 2468	1.984.100.000	-
- Công ty TNHH MTV TVĐT và TM Phong Thái	844.406.000	-
- Các đối tượng người bán khác	22.362.591.505	22.347.381.074
Cộng	<u>46.824.331.942</u>	<u>46.628.840.432</u>

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước của các bên liên quan	-	-
Trả trước của các khách hàng khác	31.855.762.814	46.006.252.465
- BQL DA Đầu tư xây dựng và Phát triển Đô thị Tỉnh Thừa Thiên Huế	1.824.000.000	1.808.053.000
- Công ty CP ANINVEST	2.159.286.000	1.598.136.000
- Công ty Noble House Home Furnishings LLC	-	1.042.509.303
- Eurofar International B.V	-	3.120.531.248
- Sở Y Tế Tỉnh Thừa Thiên Huế	-	496.802.116
- Công ty CP Dệt may Huế	9.818.820.000	9.818.820.000
- Công ty CP Sợi Phú Bài	3.499.117.735	3.565.500.000
- Tập đoàn Dệt may Việt Nam	4.506.406.250	4.506.406.250
- Công ty CP Vinatex Phú Hưng	4.009.300.156	3.978.922.560
- BQL DA Đầu tư XD Công trình giao thông TTH	990.913.140	990.913.140
- Công ty CP ĐTXD TM và công nghệ Hà Nội - CN Thừa Thiên Huế	-	2.755.944.898
- Các đối tượng khác	5.047.919.533	12.323.713.950
Cộng	<u>31.855.762.814</u>	<u>46.006.252.465</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương phải trả	11.457.979.259	20.033.558.548
Cộng	<u>11.457.979.259</u>	<u>20.033.558.548</u>

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trích trước phí tư vấn, kiểm toán	60.000.000	115.000.000
Trích trước chi phí sửa chữa	40.242.000	-
Chi phí lãi vay phải trả	44.113.511	10.206.836
Trích chi phí tiêu thụ sản phẩm	58.839.758	107.802.377
Trích trước chi phí khác	55.266.700	10.455.186
Cộng	<u>258.461.969</u>	<u>243.464.399</u>

20. Doanh thu chưa thực hiện**a. Ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Doanh thu cho thuê cơ sở hạ tầng KCN	14.401.917.349	2.979.233.397
Doanh thu cho thuê văn phòng	930.500.334	782.494.196
Doanh thu cung cấp bê tông thương phẩm	300.000.000	300.000.000
Cộng	<u>15.632.417.683</u>	<u>4.061.727.593</u>

b. Dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Doanh thu cho thuê cơ sở hạ tầng KCN	61.739.492.750	63.214.491.771
Doanh thu cung cấp bê tông thương phẩm	900.000.000	900.000.000
Cộng	<u>62.639.492.750</u>	<u>64.114.491.771</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỦA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Phải trả khác**a. Ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đối tượng khác</i>	53.316.799.453	53.855.115.607
BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	1.847.432.446	1.525.418.246
Cổ tức phải trả	747.319.925	1.152.646.950
BQL Dự án KCN Phú Bài	41.729.297.231	41.729.297.231
Phải trả các đội xây dựng	2.824.660.800	3.127.258.271
Phải trả đặt cọc thuê văn phòng	2.777.832.150	2.915.851.870
Phải trả các đối tượng khác	3.390.256.901	3.404.643.039
Cộng	<u>53.316.799.453</u>	<u>53.855.115.607</u>

b. Dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	6.837.845.568	6.837.845.568
Cộng	<u>6.837.845.568</u>	<u>6.837.845.568</u>

22. Vay và nợ thuê tài chính**a. Ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	49.408.086.434	49.408.086.434	6.074.392.673	6.074.392.673
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (a)	4.275.062.672	4.275.062.672	3.165.617.912	3.165.617.912
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (b)	45.133.023.762	45.133.023.762	2.475.590.334	2.475.590.334
- Ngân hàng TMCP Quân đội	-	-	433.184.427	433.184.427
Vay dài hạn đến hạn trả	2.066.684.700	2.066.684.700	2.630.679.400	2.630.679.400
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (c)	2.066.684.700	2.066.684.700	2.630.679.400	2.630.679.400
Cộng	<u>51.474.771.134</u>	<u>51.474.771.134</u>	<u>8.705.072.073</u>	<u>8.705.072.073</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

b. Dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn ngân hàng				
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (c)	10.231.892.536	10.231.892.536	11.031.892.536	11.031.892.536
- Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế (d)	21.582.687.535	21.582.687.535	11.320.628.040	-
Cộng	31.814.580.071	31.814.580.071	22.352.520.576	11.031.892.536

(a) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Huế theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01-2022/HĐHM-CBG ngày 05/07/2022. Tổng hạn mức cho vay là 10 tỷ đồng, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục hoạt động sản xuất kinh doanh, thời gian duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất cho vay cụ thể theo từng giấy nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Tài sản đảm bảo tiền vay là nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải (xem Thuyết minh số V.11)
- Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 2021/HĐTD-TUYNENHUE ngày 17/12/2021 và hợp đồng số 2023/HĐHM-TUYNENHUE ngày 05/07/2022. Tổng hạn mức cho vay là 2 tỷ đồng, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục hoạt động sản xuất kinh doanh, thời gian duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất cho vay cụ thể theo từng giấy nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Tài sản đảm bảo tiền vay là nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải (xem Thuyết minh số V.11)

(b) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phú Xuân theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2022/15249325/HĐTD ngày 31/10/2022. Tổng hạn mức cho vay là 10 tỷ đồng, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời gian duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất cho vay cụ thể theo từng giấy nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tài sản đảm bảo tiền vay là nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải (xem Thuyết minh số V.11)
- Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 01/2023/7029421/HĐCHMTC ngày 12/04/2023, giá trị hạn mức thấu chi là 19,5 tỷ đồng, lãi suất là 6,4%/năm; Hợp đồng hạn mức thấu chi số 02/2023/7029421/HĐCHMTC ngày 16/06/2023, giá trị hạn mức thấu chi là 17 tỷ đồng, lãi suất 5,9%/năm và hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 03/2023/7029421/HĐCHMTC ngày 16/06/2023, giá trị hạn mức thấu chi là 10 tỷ đồng, lãi suất 6,4%/năm. Thời hạn hiệu lực của hạn mức thấu chi là 365 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Hình thức bảo đảm là khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Phú Xuân theo các hợp đồng cầm cố tài sản (Xem Thuyết minh V.2)

(c) Vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng cho Vay dự án đầu tư số 2022/DAĐT ngày 05/01/2022. Thời hạn cho vay 84

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay để tài trợ cho dự án xây dựng nhà xưởng xây sẵn tại Lô B-2-2 Khu Công nghiệp Phú Bài. Lãi suất cho vay: 7,5% trong 2 năm đầu tiên. Thời gian còn lại lãi suất = LSTK VNĐ kỳ hạn 12 tháng trả sau cho khách hàng cá nhân VCB + Biên độ 2,9%/năm. Số tiền cho vay tối đa là 14.700.000.000 đồng và không vượt quá 70% tổng mức dự án đầu tư của dự án không bao gồm VAT của dự án đầu tư. Tài sản đảm bảo tiền vay là tài sản hình thành từ vốn vay. (xem Thuyết minh số V.14)
- Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 2021/MMTB-CBG ngày 24/08/2021. Tổng số tiền cho vay tối đa là 4.977.000.000 đồng. Mục đích vay: Đầu tư mua sắm một số máy móc thiết bị, phương tiện vận chuyển, hệ thống, thiết bị liên quan đến phòng cháy chữa cháy, trạm biến áp và xây dựng một số hạng mục nhà xưởng nhằm nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh của Công ty; thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo thông báo lãi suất của Ngân hàng và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Lãi suất dư Nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. (xem Thuyết minh số V.11)
 - Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 2020/MMTB-CBG ngày 19/10/2020. Tổng số tiền đã vay là 1.380.271.400. đồng. Mục đích vay: Đầu tư mua sắm một số máy móc thiết bị nhằm nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh của Công ty; thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo thông báo lãi suất của Ngân hàng và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Lãi suất dư Nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. (xem Thuyết minh số V.11)
 - Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 2019/DUAN-CBG ngày 20/11/2019. Tổng số tiền đã vay là 1.900.000.000 đồng. Mục đích vay: Đầu tư mua sắm một số máy móc thiết bị, xây dựng một số hạng mục nhà xưởng nhằm nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh của Công ty; thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo thông báo lãi suất của Ngân hàng và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Lãi suất dư Nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. (xem Thuyết minh số V.11)
 - Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 2018/DUAN-CBG ngày 30/11/2018. Tổng số tiền đã vay là 400.464.500 đồng. Mục đích vay: Đầu tư mua sắm một số máy móc thiết bị nhằm nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh của Công ty; thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo thông báo lãi suất của Ngân hàng và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Lãi suất dư Nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. (xem Thuyết minh số V.11)
- (d) Vay Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế theo Hợp đồng cho Vay số 16/2022/HĐTD-QĐTPT tháng 09/2022. Thời hạn cho vay tối đa 108 tháng kể từ ngày nhận được khoản giải ngân đầu tiên. Mục đích vay để thanh toán các chi phí liên quan để thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Phú Bài giai đoạn IV. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 6,5%/năm, lãi suất từng thời điểm được ghi trong giấy nhận nợ. Số tiền cho vay tối đa là 34.000.000.000 đồng, được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ dự án đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)***23. Dự phòng phải trả****a. Ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	8.320.836.176	8.494.102.734
Dự phòng khác	-	47.760.615
Cộng	<u>8.320.836.176</u>	<u>8.541.863.349</u>

b. Dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng 5% chờ quyết toán các CT vốn NN	4.606.641.400	4.606.641.400
Dự phòng trợ cấp thôi việc	4.743.359.974	4.824.324.874
Dự phòng kinh phí cải tạo phục hồi môi trường	858.068.815	751.556.087
Cộng	<u>10.208.070.189</u>	<u>10.182.522.361</u>

24. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	8.256.841.007	7.332.448.000	(3.245.282.804)	12.344.006.203
Cộng	<u>8.256.841.007</u>	<u>7.332.448.000</u>	<u>(3.245.282.804)</u>	<u>12.344.006.203</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

25. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư ngày 01/01/2022	190.573.160.000	9.168.780.000	33.141.869.923	209.890.232.675	39.428.116.819	482.202.159.417
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	30.809.779.620	6.146.094.172	36.955.873.792
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	15.875.694.079	(15.875.694.079)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(5.886.339.650)	(985.659.350)	(6.871.999.000)
Chia cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	(3.547.991.500)	(3.547.991.500)
Số dư ngày 30/06/2022	190.573.160.000	9.168.780.000	49.017.564.002	218.937.978.566	41.040.560.141	508.738.042.709
Số dư ngày 01/01/2023	228.683.950.000	13.902.280.000	34.759.061.727	217.732.066.719	43.488.157.122	538.565.515.568
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	30.686.639.146	3.192.747.688	33.879.386.834
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	6.013.661.858	(6.013.661.858)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(6.258.169.706)	(1.074.278.294)	(7.332.448.000)
Chia cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	(5.278.174.000)	(5.278.174.000)
Số dư ngày 30/06/2023	228.683.950.000	13.902.280.000	40.772.723.585	236.146.874.301	40.328.452.516	559.834.280.402

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Công ty CP Phát triển Nhà Bà Rịa Vũng Tàu	42.674.990.000	18,66%	42.674.990.000	18,66%
Bà Nguyễn Thị Phương Hoa	48.729.140.000	21,31%	48.729.140.000	21,31%
Công đoàn công ty	10.853.690.000	4,75%	10.853.690.000	4,75%
Vốn góp của các cổ đông khác	126.426.130.000	55,28%	126.426.130.000	55,28%
	228.683.950.000	100,00%	228.683.950.000	100,00%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	228.683.950.000	190.573.160.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	228.683.950.000	190.573.160.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(5.278.174.000)	(3.547.991.500)
+ Tại Công ty mẹ	-	-
+ Tại các công ty con	(5.278.174.000)	(3.547.991.500)

d. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	22.868.395	22.868.395
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	22.868.395	22.868.395
- Cổ phiếu thường	22.868.395	22.868.395
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu thường	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	22.868.395	22.868.395
- Cổ phiếu thường	22.868.395	22.868.395
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)***e. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	43.488.157.122	39.428.116.819
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	3.192.747.688	6.146.094.172
Giảm do chia cổ tức, lợi nhuận	(5.278.174.000)	(3.547.991.500)
Giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.074.278.294)	(985.659.350)
Số cuối kỳ	<u>40.328.452.516</u>	<u>41.040.560.141</u>

26. Khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**a. Ngoại tệ**

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
Ngoại tệ các loại		
- USD	17.401,40	3.245,26
- EUR	34.120,85	34.120,85

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (đơn vị tính: VNĐ)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
<i>Doanh thu với các bên liên quan (Xem Thuyết minh VIII.1b)</i>	10.910.429.607	9.667.426.281
Doanh thu xây lắp, dịch vụ	10.103.533.314	8.800.835.852
Doanh thu kinh doanh hạ tầng	806.896.293	866.590.429
<i>Doanh thu với các đơn vị và cá nhân khác</i>	162.946.262.793	194.817.051.362
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	108.039.043.910	126.773.624.242
Doanh thu xây lắp, dịch vụ	17.943.705.341	31.768.694.374
Doanh thu kinh doanh hạ tầng	26.735.756.775	26.098.759.153
Doanh thu hoạt động cho thuê bất động sản	10.227.756.768	10.175.973.593
Cộng	<u>173.856.692.400</u>	<u>204.484.477.643</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)***2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Giảm giá hàng bán	192.790.909	4.000.000
Hàng bán bị trả lại	-	880.451.550
Cộng	<u>192.790.909</u>	<u>884.451.550</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	84.036.812.027	92.676.877.934
Giá vốn của hoạt động xây lắp, dịch vụ	26.313.900.398	36.102.126.709
Giá vốn kinh doanh hạ tầng	8.834.656.119	10.369.475.193
Giá vốn hoạt động cho thuê bất động sản	1.461.098.230	2.187.384.651
Dự phòng bảo hành công trình	-	5.601.947.000
Cộng	<u>120.646.466.774</u>	<u>146.937.811.487</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.143.358.612	3.659.593.312
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	51.536.279	-
Lãi chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	37.863.255	18.054.990
Cộng	<u>8.232.758.146</u>	<u>3.677.648.302</u>

5. Chi phí hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí lãi vay	1.050.909.058	655.820.218
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	17.750	61.181.269
Cộng	<u>1.050.926.808</u>	<u>717.001.487</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)***6. Chi phí bán hàng**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí cho nhân viên	939.904.985	1.285.032.658
Chi phí dự phòng bảo hành sản phẩm	101.090.082	166.095.012
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.615.159.515	3.182.535.664
Chi phí khác	440.443.385	536.943.905
Cộng	<u>4.096.597.967</u>	<u>5.170.607.239</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	12.200.740.935	12.079.545.941
Chi phí khấu hao TSCĐ	743.871.446	560.170.309
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.932.066.454	3.167.306.667
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	8.015.229.110	-
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(10.000.000)	(2.054.911.822)
Chi phí bằng tiền khác	3.040.902.937	2.800.462.125
Cộng	<u>25.922.810.882</u>	<u>16.552.573.220</u>

8. Thu nhập khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	-	822.490.214
Thu phí tiện ích cho thuê văn phòng	1.202.287.826	955.892.511
Thu nhập khác	374.502.881	90.647.598
Cộng	<u>1.576.790.707</u>	<u>1.869.030.323</u>

9. Chi phí khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí tiện ích cho thuê văn phòng	1.202.287.826	955.892.511
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	38.665.682	79.751.450
Các khoản thuế truy thu, phạt vi phạm hành chính	88.666.096	7.768.161
Chi phí khác	160.244	13.198.557
Cộng	<u>1.329.779.848</u>	<u>1.056.610.679</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THÙA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)***10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	30.686.639.146	30.809.779.620
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(2.454.931.132)	(2.464.782.370)
+ Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của cổ phiếu phổ thông hoặc các khoản thanh toán khác thực hiện theo điều kiện chuyển đổi có lợi	-	-
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(2.454.931.132)	(2.464.782.370)
- LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	28.231.708.014	28.344.997.250
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	22.868.395	19.057.316
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng /cổ phiếu)	<u>1.235</u>	<u>1.487</u>

(*) Quỹ khen thưởng phúc lợi được tạm tính từ lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-XL-ĐHCD ngày 14 tháng 04 năm 2023 với tỷ lệ là 8%/lợi nhuận sau thuế TNDN.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	22.868.395	19.057.316
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	<u>22.868.395</u>	<u>19.057.316</u>

11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	28.231.708.014	28.344.997.250
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:		
+ Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển	-	-
+ Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi	-	-
- Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	22.868.395	19.057.316
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	22.868.395	19.057.316
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	<u>1.235</u>	<u>1.487</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)***12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	65.037.155.777	91.643.563.676
Chi phí nhân công	50.517.097.045	56.200.859.338
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.933.584.483	8.642.956.827
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.869.669.637	26.412.885.596
Chi phí khác	11.163.727.135	8.479.985.072
Cộng	<u>166.521.234.077</u>	<u>191.380.250.509</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**1. Tiền thu từ đi vay**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	71.550.227.988	32.427.900.872
Cộng	<u>71.550.227.988</u>	<u>32.427.900.872</u>

2. Tiền trả nợ gốc vay

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tiền chi các khoản đi vay theo kế ước thông thường	19.318.469.432	23.199.330.497
Cộng	<u>19.318.469.432</u>	<u>23.199.330.497</u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

STT	Thành viên Ban lãnh đạo	Chức danh	Kỳ này			
			Lương, thưởng	Thù lao	Cổ tức	Cộng
1	Đoàn Hữu Thuận	Chủ tịch HĐQT	-	72.000.000	-	72.000.000
2	Lê Quý Định	P.Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	318.600.000	60.000.000	-	378.600.000
3	Trần Sỹ Chương	Thành viên HĐQT	-	60.000.000	-	60.000.000
4	Lê Viết Liên	Thành viên HĐQT	-	60.000.000	-	60.000.000
5	Đoàn Hữu Hà Vinh	Thành viên HĐQT	-	60.000.000	-	60.000.000
6	Nguyễn Thị Kim Phụng	Trưởng BKS	85.200.000	48.000.000	-	133.200.000
7	Dương Thị Ngọc	Thành viên BKS	-	30.000.000	-	30.000.000
8	Mai Thị Tuyết Lan	Thành viên BKS	-	30.000.000	-	30.000.000
9	Lê Văn Tài	Thành viên BKS	-	30.000.000	-	30.000.000
10	Lê Đình Nam	Thành viên BKS	36.000.000	30.000.000	-	66.000.000
11	Nguyễn Văn Quý	Giám đốc	169.800.000	-	-	169.800.000
12	Phan Văn Giáo	Giám đốc	48.000.000	-	-	48.000.000
13	Phạm Trường Lâm	Giám đốc	97.684.560	-	-	97.684.560
14	Nguyễn Thái Bình	Giám đốc	118.800.000	-	-	118.800.000
15	Lê Thị Khánh Vân	Giám đốc TC kiêm Kế toán trưởng	169.800.000	-	-	169.800.000
	Tổng cộng		1.043.884.560	480.000.000	-	1.523.884.560

STT	Thành viên Ban lãnh đạo	Chức danh	Kỳ trước			
			Lương, thưởng	Thù lao	Cổ tức	Cộng
1	Đoàn Hữu Thuận	Chủ tịch HĐQT	-	64.000.000	-	64.000.000
2	Lê Quý Định	P.Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	318.600.000	60.000.000	-	378.600.000
3	Trần Sỹ Chương	Thành viên HĐQT	-	60.000.000	-	60.000.000
4	Lê Viết Liên	Thành viên HĐQT	-	20.000.000	-	20.000.000
5	Đoàn Hữu Hà Vinh	Thành viên HĐQT	-	20.000.000	-	20.000.000
6	Nguyễn Thị Kim Phụng	Trưởng BKS	69.486.000	36.000.000	-	105.486.000
7	Dương Thị Ngọc	Thành viên BKS	-	30.000.000	-	30.000.000
8	Mai Thị Tuyết Lan	Thành viên BKS	-	10.000.000	-	10.000.000
9	Lê Văn Tài	Thành viên BKS	113.200.000	10.000.000	-	123.200.000
10	Lê Đình Nam	Thành viên BKS	-	10.000.000	-	10.000.000
11	Nguyễn Văn Quý	Giám đốc	169.800.000	-	-	169.800.000
12	Phan Văn Giáo	Giám đốc	56.880.000	-	-	56.880.000
13	Phạm Trường Lâm	Giám đốc	110.116.800	-	-	110.116.800
14	Nguyễn Thái Bình	Giám đốc	100.476.000	-	-	100.476.000
15	Lê Thị Khánh Vân	Giám đốc TC kiêm Kế toán trưởng	154.360.000	-	-	154.360.000
	Tổng cộng		1.092.918.800	320.000.000	-	1.412.918.800

Giao dịch các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

b. Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: công ty liên kết, các công ty mà Công ty đang đầu tư vốn và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Tên Công ty	Mối quan hệ
Công ty CP Frit Huế	Công ty liên kết
Công ty CP Kinh doanh Nhà Thừa Thiên Huế	Công ty liên kết
Công ty CP Bê tông và Xây dựng Thừa Thiên Huế	Công ty liên kết
Công ty CP Xây dựng và ĐTPT Hạ tầng TTH	Công ty liên kết
Công ty CP Long Thọ	Công ty nhận đầu tư

Doanh thu với các bên liên quan khác:

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu hoạt động xây lắp	10.103.533.314	8.800.835.852
Công ty CP Bê tông và Xây dựng Thừa Thiên Huế	10.103.533.314	8.800.835.852
Doanh thu kinh doanh hạ tầng	806.896.293	866.590.429
Công ty CP Frit Huế	806.896.293	866.590.429
Cộng	10.910.429.607	9.667.426.281

Giao dịch với các bên liên quan khác:

Tên Công ty	Kỳ này	Kỳ trước
Mua hàng		
Công ty CP Bê tông và Xây dựng Thừa Thiên Huế	3.788.954.544	12.490.463.956
Công ty Cổ phần Frit Huế	1.026.150.805	1.061.332.440
Nhận cổ tức		
Công ty CP Bê tông và Xây dựng Thừa Thiên Huế	2.592.000.000	2.592.000.000
Công ty CP XD & ĐTPT Hạ tầng TTH	123.750.000	148.500.000
Công ty CP Frit Huế	2.622.354.000	5.244.708.000
Giao dịch khác (Lãi cho vay)		
Công ty CP Kinh doanh Nhà Thừa Thiên Huế	36.245.000	50.447.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan khác:

Tên Công ty	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nợ phải thu ngắn hạn		
Công ty CP XD & ĐTPT Hạ tầng TTH	1.073.884.173	1.073.884.173
Công ty CP Bê tông và Xây dựng Thừa Thiên Huế	5.044.231.057	1.221.749.500
Công ty CP Frit Huế	51.907.349	-
Trả trước người bán		
Công ty CP Frit Huế	21.929.365	69.746.213
Phải thu về cho vay		
Công ty CP Kinh doanh Nhà Thừa Thiên Huế	820.818.068	1.284.456.068
Phải thu ngắn hạn khác		
Công ty CP Bê tông và Xây dựng Thừa Thiên Huế	1.728.000.000	-
Công ty CP XD & ĐTPT Hạ tầng TTH	361.074.000	437.324.000
Phải trả người bán		
Công ty CP Bê tông và Xây dựng Thừa Thiên Huế	9.464.669.771	7.105.934.771
Công ty CP XD & ĐTPT Hạ tầng TTH	2.510.343.786	2.510.343.786
Công ty CP Kinh doanh Nhà TT Huế	44.616.000	544.499.000

2. Báo cáo bộ phận

- Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động bán hàng		Hoạt động kinh doanh hạ tầng	Hoạt động kinh doanh BĐS	Cộng
	Hoạt động bán hàng	Hoạt động xây lắp			
Kỳ này					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	108.039.043.910	27.854.447.746	27.542.653.067	10.227.756.768	173.663.901.491
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	108.039.043.910	27.854.447.746	27.542.653.067	10.227.756.768	173.663.901.491
Giá vốn bộ phận	84.036.812.027	26.313.900.398	8.834.656.119	1.461.098.230	120.646.466.774
Lợi nhuận gộp bộ phận	24.002.231.883	1.540.547.348	18.707.996.948	8.766.658.538	53.017.434.717
Kỳ trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	125.889.172.692	40.569.530.226	26.965.349.582	10.175.973.593	203.600.026.093
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	125.889.172.692	40.569.530.226	26.965.349.582	10.175.973.593	203.600.026.093
Giá vốn bộ phận	92.676.877.934	41.704.073.709	10.369.475.193	2.187.384.651	146.937.811.487
Lợi nhuận gộp bộ phận	33.212.294.758	(1.134.543.483)	16.595.874.389	7.988.588.942	56.662.214.606

- Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong kỳ, toàn bộ hoạt động của Tập đoàn đều được thực hiện tại Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022 đã được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng. Riêng chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu do có sự thay đổi về phân phối các Quý khen thưởng, phúc lợi so với số tạm tính nên chỉ tiêu này được trình bày lại như sau:

CHỈ TIÊU	Mã số	Số liệu so sánh trên BCTC	Số liệu so sánh trình bày lại	Chênh lệch
1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.470	1.487	(18)
2. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	1.470	1.487	(18)

4. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Tập đoàn và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Tập đoàn.

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Thừa Thiên Huế, ngày 25 tháng 08 năm 2023


LÊ THỊ KHÁNH VÂN
Người lập biểu


LÊ THỊ KHÁNH VÂN
Kế toán trưởng


LÊ QUÝ ĐỊNH
Tổng Giám đốc

